

Bản án số 22/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 26/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Phan Quang Sơn .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Tiệp và bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị An - cán bộ TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn - tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, chia tài sản chung và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 196 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm Trung Đ, xã Nghĩa Tr, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: ông Cung Đình V, sinh năm 196 (có mặt)

Địa chỉ: xóm Trung Đ, xã Nghĩa Tr, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản khai và biên bản phiên hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 1981 Bà H và ông V tự do tìm hiểu và về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được 40 năm, đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V đi làm ăn xa, cặp bồ, đánh bạc. Khi về nhà ông V thường xuyên liên lạc, nói chuyện điện thoại với người phụ nữ khác quá tình cảm nên Bà H đã bí mật ghi âm để làm bằng chứng. Khi Bà H phản ánh vấn đề này thì ông V hành hung, sỹ nhục, đuổi đánh nên Bà H không thể ở trong nhà của vợ chồng mà bà phải về quê ngoại ở từ ngày 22 tháng 10 năm 2021 cho đến nay.

Về con cái: Bà H và ông V có 01 con chung là Cung Thị H sinh năm 199 và 01 con nuôi là Cung Đình H sinh năm 198. Nay các con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, Bà H không yêu cầu giải quyết về phần con.

Về tài sản: Bà H và ông V có các loại tài sản như sau: 01 nhà xây cấp 4 ba gian, nhà bếp liền kề 02 gian; xe máy Aiblarde đăng ký mang tên Cung Đình V; 01 bồn đựng nước hiệu Tân Á; về đất đai: 01 thửa đất ở và vườn số 129, tờ bản đồ số 67 diện tích 1.848,1m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 16981.5c.203, tờ bản đồ số 5C trồng cây hằng năm diện tích 535m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại những tài sản này Bà H và ông V đã thỏa thuận: tại thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67 được UBND huyện Nghĩa Đàn cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 14/3/2016 với diện tích 1.848,1m² được chia thành 03 thửa theo kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Nghĩa Đàn đo ngày 26 tháng 5 năm 2022 như sau: ông Cung Đình V nhận sử dụng mảnh đất có số thửa 204, tờ bản đồ địa chính số 67 có diện tích đất 624m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có các cạnh dài 15,53; 5,47m; phía Bắc giáp đất gia đình ông H có các cạnh dài 19,96m; 5,49m; phía đông giáp đất Bà H dài 23,82m; phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị H có chiều dài 22,22m. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 ba gian đồ bằng; 01 nhà bếp liền kề, lợp tôn, trước sân có 01 mái che lợp tôn lợp tôn; phía trước có 01 bể nước, bên trên có 01 bồn inox 4000 lít; 01 nhà tắm đã cũ; 01 nhà trâu rộng 2,5 gian lợp ngói đã cũ; 03 bờ rào gồm phía trước giáp đường, bờ tường phía đông giáp đất Bà H, bờ tường phía bắc giáp đất ông H đều được xây bằng gạch tấp lổ; trên đất có 03 bụi lát hoa; 01 cây mít, 01 cây xoài. Tài sản trong ngôi nhà gồm: 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy nóng lạnh, 01 bộ bàn ghế; 01 xe máy AirBlade màu đỏ BKS 37B1 – 366.90; thửa đất số 16981.5c.203, tờ bản đồ số 5C trồng cây hằng năm diện tích 535m².

Bà Nguyễn Thị H nhận sử dụng các thửa đất như sau: thửa số 205 tờ bản đồ số 67 tại xóm Trung Đồng, xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn có diện tích đất 774m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có các cạnh dài 27,2m; 0,82m; phía Bắc giáp đất ông H có cạnh dài 36,05m; phía Tây giáp đất ông V có chiều dài 23,82m; phía Đông giáp đất anh L dài 24,59m. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà ống được xây dựng kiên cố, trên đất có 01 số cây ăn quả đang nhỏ. Thửa số 203, tờ bản đồ số 67 tại xóm Trung Đồng, xã Nghĩa Trung, Nghĩa Đàn có diện tích đất 228m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có cạnh dài 9m; phía Bắc giáp đất ông H có các cạnh dài 6,64m; 2,37m; Phía Đông giáp đất ông V dài 22,22m; Phía Tây giáp đất anh Trường có chiều dài 21,56m.

Bị đơn ông Cung Đình V trình bày: Vợ chồng ông đã lập gia đình từ năm 1981, đến tháng 8 năm 2021 thì xảy ra đổ vỡ, do vợ chồng gây mâu thuẫn với nhau. Trong lúc ông V bị tai nạn, Bà H đã có ý định từ trước, đã ôm hết tiền bạc và toàn bộ giấy tờ đất của gia đình bỏ về quê Thanh Hóa ở cho đến nay. Nay Bà H làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn thì ông V đồng ý vì không còn tình cảm gì với nhau nữa.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cung Thị H sinh năm 199 và 01 con nuôi Cung Đình H sinh năm 1983, nay các con đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Ông Cung Đình V thống nhất thỏa thuận chia tài sản như Bà H trình bày ở trên, theo đó ông Cung Đình V nhận sở hữu các tài sản như sau: 01 xe máy Aiblarde đăng ký mang tên Cung Đình V; 01 bồn đựng nước hiệu Tân Á; 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy nóng lạnh, 01 bộ bàn ghế; ông Cung Đình V nhận sử dụng mảnh đất có số thửa 204, tờ bản đồ địa chính số 67 có diện tích đất 624m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có các cạnh dài 15,53; 5,47m; phía Bắc giáp đất gia đình ông Hới có các cạnh dài 19,96m; 5,49m; phía đông giáp đất Bà H dài 23,82m; phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị H có chiều dài 22,22m, trên mảnh đất này có một ngôi nhà cấp 4 ba gian đồ bằng; 01 nhà bếp liền kề, lợp tôn, trước sân có 01 mái che lợp tôn lạnh; phía trước có 01 bể nước, bên trên có 01 bồn inox 4000 lít; 01 nhà tắm đã cũ; 01 nhà trầu rộng 2,5 gian lợp ngói đã cũ; 03 bờ rào gồm phía trước giáp đường, bờ tường phía đông giáp đất Bà H, bờ tường phía bắc giáp đất ông Hới đều được xây bằng gạch táp lô; 01 thửa đất số 16981.5c.203, tờ bản đồ số 5C trồng cây hàng năm diện tích 535m².

Có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa và của Hội đồng xét xử, thư ký đã làm đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật, đúng thời gian và trình tự thu thập chứng cứ của đương sự. Đối với các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 28 và 147 của BLTTDS; các điều 51 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Cung Đình V.

Về tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận chia tài sản của các đương sự.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Căn Cứ vào khoản 1 điều 28 và khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Theo bà Nguyễn Thị H và ông Cung Đình V khai, hai người chung sống với nhau từ năm 1981 trên cơ sở tự nguyện, tự tổ chức cuộc sống chung và coi nhau như vợ chồng. Theo hướng dẫn của các văn bản pháp luật, mặc dù Bà H và ông V không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 trở về trước thì đó là hôn nhân thực tế. UBND xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn và UBND xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cũng xác nhận từ năm 1981 đến thời điểm giải quyết ly hôn không có trường hợp nào được đăng ký kết hôn mang tên Nguyễn Thị H và Cung Đình V có địa chỉ như trên.

[3] Về con chung: Con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Cung Đình V là Cung Thị H sinh năm 1995 và 01 con nuôi Cung Đình H sinh năm 1983 đã trưởng thành nên hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, Bà H và ông V đã thỏa thuận được việc phân chia tài sản, đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng những tài sản gồm: 01 thửa số 205 tờ bản đồ số 67 tại xóm Trung Đồng, xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn có diện tích đất 774m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có các cạnh dài 27,2m; 0,82m; phía Bắc giáp đất ông Họi có cạnh dài 36,05m; phía Tây giáp đất ông V có chiều dài 23,82m; phía Đông giáp đất anh Lĩnh dài 24,59m. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà ông được xây dựng kiên cố, trên đất có 01 số cây ăn quả đang nhỏ; 01 thửa đất số 203, tờ bản đồ số 67 tại xóm Trung Đồng, xã Nghĩa Trung, Nghĩa Đàn có diện tích đất 228m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có cạnh dài 9m; phía Bắc giáp đất ông Họi có các cạnh dài 6,64m; 2,37m; Phía Đông giáp đất ông V dài 22,22m; Phía Tây giáp đất anh Trường có chiều dài 21,56m.

Ông Cung Đình V nhận sử dụng mảnh đất có số thửa 204, tờ bản đồ địa chính số 67 diện tích đất 624m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có các cạnh dài 15,53; 5,47m; phía Bắc giáp đất gia đình ông Họi có các cạnh dài 19,96m; 5,49m; phía Đông giáp đất Bà H dài 23,82m; phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị H có chiều dài 22,22m; 01 xe máy Aiblarde BKS 37B1 – 366.90; 01 bồn đựng nước hiệu Tân Á; 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy nóng lạnh, 01 bộ bàn ghế; Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 ba gian đồ bằng, 01 nhà bếp liền kề, lợp tôn, trước sân có 01 mái che lợp tôn lạnh; phía trước có 01 bể nước, bên trên có 01 bồn inox 4000 lít; 01 nhà tắm đã cũ; 01 nhà trâu rộng 2,5 gian lợp ngói đã cũ; 03 bờ rào gồm phía trước giáp đường, bờ tường phía đông giáp đất Bà H, bờ tường phía bắc giáp đất ông H đều được xây bằng gạch táp lô; 01 thửa đất số 16981.5c.203, tờ bản đồ số 5C đất trồng cây hàng năm diện tích 535m².

[5] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng điều 28, điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 14, điều 51, điều 53, điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị Quyết số 35/2000/NQ - QH10 tuyên bố:

Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Cung Đình V.

Về quan hệ tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng những tài sản gồm: thửa đất số 205 tờ bản đồ số 67 tại xóm Trung Đồng, xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn có diện tích đất 774m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có các cạnh dài 27,2m; 0,82m; phía Bắc giáp đất ông Họi có cạnh dài 36,05m; phía Tây giáp đất ông V có chiều dài 23,82m; phía Đông giáp đất anh Lĩnh dài 24,59m. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà ông được xây dựng kiên cố, trên đất có 01 số cây ăn quả đang nhỏ. Thửa số 203, tờ bản đồ số 67 tại xóm Trung Đồng, xã Nghĩa Trung, Nghĩa Đàn có diện tích đất 228m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có cạnh dài 9m; phía Bắc giáp đất ông Họi có các cạnh dài 6,64m; 2,37m; Phía Đông giáp đất ông V dài 22,22m; Phía Tây giáp đất anh Trường có chiều dài 21,56m (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Cung Đình V được quyền sử dụng những tài sản gồm: thửa đất số 204, tờ bản đồ địa chính số 67 có diện tích đất 624m² có đặc điểm: Phía Đông Nam giáp đường liên xã có các cạnh dài 15,53; 5,47m; phía Bắc giáp đất gia đình ông Hời có các cạnh dài 19,96m; 5,49m; phía Đông giáp đất Bà H dài 23,82m; phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị H có chiều dài 22,22m. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 ba gian đồ bằng; 01 nhà bếp liền kề, lợp tôn, trước sân có 01 mái che lợp tôn lạnh; phía trước có 01 bể nước, bên trên có 01 bồn inox 4000 lít; 01 nhà tắm đã cũ; 01 nhà trâu rộng 2,5 gian lợp ngói đã cũ; 03 bờ rào gồm phía trước giáp đường, bờ tường phía đông giáp đất Bà H, bờ tường phía bắc giáp đất ông Hời đều được xây bằng gạch táp lô (có sơ đồ kèm theo); 01 xe máy Aiblarde BKS 37B1 – 366.90; 01 bồn đựng nước hiệu Tân Á; 01 tivi; 01 tủ lạnh; 01 máy nóng lạnh; 01 bộ bàn ghế; 01 thửa đất số 16981.5c.203, tờ bản đồ số 5C đất trồng cây hằng năm diện tích 535m².

Về án phí: Áp dụng điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Do các đương sự tự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung. Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 7.325.000đ (bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà Bà H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0005669 ngày 15/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án lên TAND tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

TAND tỉnh Nghệ An;

VKSND tỉnh Nghệ An;

VKSND huyện Nghĩa Đàn;

Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;

Đương sự;

Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quang Sơn